

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HS-ST

Ngày: 29-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Dũng

2. Bà Nguyễn Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi, bà Dương Thanh Hương-
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa theo quyết định phân công của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao: Ông Ngô Xuân Thành và bà Hà Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 23 và 29 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2022/TLST-HS ngày 21/9/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 01/11/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Phúc Th; giới tính: Nam; sinh năm 1976; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6, thị trấn Tr, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp khi phạm tội: Trưởng công an xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 6564/QĐ-BCA ngày 13/8/2021 của Bộ Công an); Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị khai trừ theo Quyết định số 33-QĐ/UBKTHU ngày 27/12/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đồng Hỷ); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Phúc B và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); Vợ: Lê Thị Châu D, vợ chồng có 02 con chung (Con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Ngọc H; giới tính: Nam; sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 4, thị trấn Tr, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp khi phạm tội: Phó trưởng công an xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 865/QĐ-CAT-PX01 ngày 08/5/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên); Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản

Việt Nam (Đã bị khai trừ theo Quyết định số 34-QĐ/UBKTHU ngày 27/12/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đồng Hỷ); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Đoàn Thị H; Vợ: Trần Lan A, vợ chồng có 02 con chung (Con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 06/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Bàn Tài T; giới tính: Nam; sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm M, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Phúc Th (đã chết) và bà Đặng Thị Ch; Vợ: Dương Thị T, vợ chồng có 02 con chung (Con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2005); Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đặng Thái H1(tên gọi khác: H1 Ba); giới tính: Nam; sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm S, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh Hùng và bà Triệu Thị Bích; Vợ: Đỗ Thị Mỹ Thảo, có 02 con (Con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 10/2016/HSST ngày 29/01/2016 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc H:*

Ông Vũ Minh T– Luật sư Công ty luật hợp danh Thiên Nam thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bà Trần Lan A – Luật sư Công ty luật hợp danh V.I.P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Bàn Tài T:* Ông Giang Văn Q - Luật sư Công ty TNHH Tôi yêu luật thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Phúc Thái:* Ông Trần Ngọc Th và bà Nguyễn Thị H - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH XTVN – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Bảo Tr, sinh năm 1993 (Có mặt)

Trú tại: Tổ 19, phường Ph, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Trần Đình L, sinh năm 1995 (Có mặt)

Trú tại: Tổ 7, phường Ch, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1979 (Có mặt)

4. Anh Triệu Văn Đ (Tên gọi khác: Th1), sinh năm 1984 (Có mặt)

5. Ông Triệu Văn H1, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng trú tại: xóm M, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

6. Anh Dương Quý Ph, sinh năm 1983 (Có mặt)

Trú tại: xóm B, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

7. Bà Triệu Thị X, sinh năm 1963 (Có mặt)

Trú tại: xóm C, xã H, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. Ông Bàn Tài V, sinh năm 1969(Có mặt)

2. Ông Bàn Tài H, sinh năm 1974 (Có mặt)

3. Ông Đặng Văn Chung, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

4. Anh Triệu Phúc Tiến C, sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng trú tại: xóm M, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

5. Anh Triệu Sinh T1, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Trú tại: xóm S, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

6. Anh Dương Quý Ph, sinh năm 1981 (Có mặt)

Trú tại: xóm B, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

7. Ông Bàn Phúc T2, sinh năm 1966 (Có mặt)

Trú tại: xóm C, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

8. Ông Ngô Văn H2, sinh năm 1968 (Có mặt)

Trú tại: xóm B, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

9. Ông Đoàn Đức S, sinh năm 1961 (Có mặt)

Trú tại: xóm C, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

10. Bà Bàn Thị T3, sinh năm 1964 (Có mặt)

Trú tại: xóm Đ, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

11. Chị Dương Thị T4, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: xóm M, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

12. Ông Triệu Văn Q1, sinh năm 1966 (Có mặt)

Trú tại: xóm B, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

13. Anh Triệu Văn V, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú tại: xóm M, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Phúc Th nguyên là Trưởng công an và Trần Ngọc H nguyên là Phó trưởng Công an xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 14h30 phút ngày 28/5/2020, Hà Phúc Th khi đó là Trưởng Công an xã H đi họp không có mặt tại trụ sở, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có các đối tượng đang đánh bạc tại khu vực vườn nhà ông Triệu Văn Hồng, sinh năm 1982 thuộc xóm M, xã H, nên Th đã gọi điện thoại chỉ đạo H tổ chức lực lượng vây bắt. H đã chỉ đạo tổ công tác gồm có Trần Ngọc H, Nguyễn Bảo Tr (công an chính quy), Trần Đình L (công an chính quy), Ngô Văn H2 (công an viên), Đoàn Đức S (công an viên) đến vây bắt. Khi đến nơi tổ công tác phát hiện một nhóm đối tượng đang tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Tổ công tác bắt giữ được 3 đối tượng gồm: Bàn Tài H, Bàn Tài V, Bàn Phúc T2, thu trên chiếu bạc 1.650.000đ cùng một số tang vật liên quan. H đã gọi điện báo cáo tình hình cho Th, sau đó đến khoảng 15h thì tổ công tác đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở Công an xã H mà không lập biên bản phạm tội quả tang ngay.

Tại trụ sở xã H, H tiến hành làm việc với Bàn Tài V, H phân công Tr, L tiến hành làm việc với Bàn Phúc T2 và Bàn Tài H.

Đến khoảng 16h ngày 28/5/2022 thì Hà Phúc Th về đến trụ sở Công an xã H, H báo cáo kết quả bắt giữ vụ việc đánh bạc, bắt được 3 đối tượng, một số đối tượng chạy thoát, thu trên chiếu bạc 1.650.000đ. Th chỉ đạo H chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định. Th có gọi điện báo cáo đồng chí Bùi Công Trường là Trưởng công an huyện Đồng Hỷ nội dung sự việc.

Qua đấu tranh ban đầu V khai có 09 đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Bàn Tài V, Bàn H, Bàn Phúc T2, Đặng Văn Chung, Triệu Phúc Tiến C, Triệu Văn Q, Triệu Văn H1, Triệu Văn Đ và Dương Quý Ph, Ph có địa chỉ tại xóm B, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Ph là người xóc cái.

Khoảng 17h thì H gọi điện cho ông Triệu Văn Q1 là công an viên xóm B hỏi về đối tượng Dương Quý Ph và được ông Q1 nói Ph có tiền án đánh bạc bị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xét xử năm 2016, 2017.

H đã ghi lời khai của V xong và V đã ký biên bản ghi lời khai. Tr và L chưa ghi lời khai của H và T2 về nội dung trên.

Khoảng 18h ngày 28/5/2022 Bàn Tài T biết tin các anh trai là Bàn Tài V, Bàn Tài H bị Công an xã H bắt giữ về hành vi đánh bạc nên đã đem theo 30.000.000đ đến trụ sở Công an xã H gặp và được Trần Ngọc H dẫn vào phòng làm việc của Hà Phúc Th. Tại đây, Bàn Tài T đặt vấn đề nhờ Hà Phúc Th xử lý cho V, H tại Công an xã và xin cho V, H được về nhà và đặt một tập tiền 30.000.000đ, mệnh giá tiền 500.000đ, buộc bằng dây nịt màu vàng lên bàn làm việc của Th. Th khai H cầm tiền và trực tiếp đếm được 30.000.000đ rồi đưa cho Th và nói “anh cứ cầm lấy đi”. Th nhận tiền rồi cất vào ngăn kéo bàn làm việc của mình. H nói với T sẽ tạo điều kiện xử lý hành chính rồi thả cho về và bảo T ra ngoài. Số tiền 30.000.000đ là do T vay của bà Bàn Thị T3 (là chị gái của T, H,

V) 25.000.000đ, còn 5.000.000đ là của T. Số tiền này Th khai đã đưa lại cho H vào sáng ngày 29/5/2020 tại phòng của H.

Sau đó, trong quá trình thiết lập hồ sơ ban đầu, Trần Ngọc H chỉ đạo anh Nguyễn Bảo Tr và anh Trần Đình L khi lập biên bản lấy lời khai các đối tượng đánh bạc thì ghi theo hướng có 08 người tham gia đánh bạc, loại bỏ các thông tin liên quan đến đối tượng Dương Quý Ph. Anh Tr đã gọi điện cho ông Triệu Văn Q1 công an viên để hỏi về đối tượng Ph và cũng được ông Q1 trả lời Ph có tiền án. Tr trao đổi với L rồi cả hai cùng báo cáo với Trần Ngọc H, đề xuất về việc không thể loại bỏ đối tượng Ph ra khỏi vụ đánh bạc mà phải chuyển hồ sơ đến Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Công an huyện Đông Hỷ giải quyết theo thẩm quyền, nhưng H không nói gì và đi vào phòng làm việc của Hà Phúc Th, sau đó ra báo vẫn ghi 8 đối tượng tham gia đánh bạc nên anh Tr, anh L đã thực hiện theo.

Triệu Văn Q ra đầu thú khoảng thời gian từ 16 đến 17h ngày 28/5/2022, khi ra đầu thú thì Q có cầm theo 9.500.000đ đi vào hội trường, để dưới tập hồ sơ trên mặt bàn (số tiền 9.500.000đ này thì Ph cho Q 1.000.000đ, Đ cho Q vay 5.000.000đ, Q có 3.5000.000đ) trong hội trường có 02 đồng chí mặc cảnh phục, rồi Q ra ngoài hội trường ngồi chờ.

Khi Q ra đầu thú thì H làm việc với Q, ban đầu Q khai có 9 đối tượng, trong đó Ph là người xóc cái. Sau đó H nói với Q để Q nhận là người xóc cái và không khai ra Ph tham gia đánh bạc thì sẽ được thả về sớm. Q đồng ý nên H dẫn Q đến gặp Tr và giao cho Tr làm việc với Q. Làm việc với T2 xong thì Tr gọi Q vào làm việc, Q chỉ khai có 8 người tham gia đánh bạc và Q nhận mình là người xóc cái. H lập biên bản ghi lời khai đối với C trong nội dung có 08 người tham gia đánh bạc (trong đó không có Ph), Q là người xóc cái. Trong quá trình làm việc Tr có dùng điện thoại của mình chụp được một tờ danh sách những người tham gia đánh bạc do H viết tay ghi tên 8 đối tượng tham gia đánh bạc và một phần tờ ghi lời khai của H lập đối với V có nội dung ghi 9 đối tượng tham gia đánh bạc, trong đó có Ph. H có đưa lời khai của V cho Tr và bảo Tr chép lại lời khai của V chỉ có 8 đối tượng tham gia đánh bạc. Sau khi Tr chép xong lời khai của V thì để biên bản tại phòng H và H là người đem cho V ký nhận.

Trước sự việc sai phạm trên, Nguyễn Bảo Tr và Trần Đình L đã trao đổi và thống nhất báo cáo Lãnh đạo Công an huyện Đông Hỷ để xem xét giải quyết. Do vậy, sáng ngày 29/5/2020 khi Nguyễn Bảo Tr được phân công đi tra cứu trích lục tiền án, tiền sự các đối tượng đã trực tiếp báo cáo đồng chí Trưởng công an huyện Đông Hỷ. Đồng chí Trưởng trưởng công an huyện Đông Hỷ đã chỉ đạo Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, đến Công an xã H tiếp nhận hồ sơ vụ việc để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi nhận được thông tin phải bàn giao hồ sơ vụ việc đánh bạc trên, Th chỉ đạo H hoàn thiện hồ sơ để bàn giao, H đã đưa Biên bản bắt người phạm tội quả tang đề lập hồi 15h ngày 28/5/2020, kết thúc hồi 16h ngày 28/5/2020 cho Th ký. Trong biên bản có chữ ký của Bàn Tài V, Bàn Tài H, Bàn Phúc T2, ông Triệu Văn Vinh ký là người chứng kiến, Hà Phúc Th ký là người chủ trì lập biên bản. Tuy nhiên, biên bản là do H tự lập nội dung từ trước, không có nội dung các đối tượng đánh bạc bị bắt quả tang khai về việc Ph có tham gia đánh bạc và xóc cái.

Ngoài ra H còn chỉ đạo L đến nhà ông Triệu Văn Vinh là trưởng xóm để lấy chữ ký vào biên bản ghi lời khai ông Vinh với tư cách người chứng kiến.

Chiều ngày 29/5/2020 H bàn giao hồ sơ vụ việc đánh bạc trên cho Đội CSĐT tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Đông Hỷ nhưng không có biên bản ghi lời khai ban đầu của V khai có 9 người tham gia đánh bạc và Ph là người xóc cái.

Ngay sau khi nhận được hồ sơ, trong ngày 29 và 30/5/2020 cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hỷ đã tiến hành làm việc với các đối tượng đánh bạc và những người có liên quan, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ sự việc đánh bạc có 9 người tham gia, trong đó Ph là người xóc cái.

Ngày 28/5/2020, khi Công an xã H bắt quả tang vụ đánh bạc tại xóm M (như đã nêu trên), Trần Ngọc H và anh Nguyễn Bảo Tr gọi điện thoại cho Đặng Thái H1 (sinh năm 1985) làm nghề bán hàng ăn gần cổng UBND xã H, huyện Đông Hỷ để hỏi thông tin của các đối tượng đánh bạc đang bỏ trốn, trong đó có đối tượng Dương Quý Ph. H1 đã cung cấp thông tin của những người mà H1 biết cho H và Tr. Khoảng 16h30' ngày 28/5/2020, Đặng Thái H1 nhìn thấy Dương Quý Ph, sinh năm 1983, trú tại xóm B, xã H (là em trai của Dương Quý Ph) từ trong Công an xã H đi ra nên H1 gọi anh Ph vào để nói chuyện, hỏi thông tin về vụ việc đánh bạc. H1 đã nói chuyện với Ph và được Ph nhờ giúp cho các đối tượng đánh bạc quan hệ họ hàng với Ph là Bàn Phúc T2, Triệu Văn Đ (Th1) và Triệu Văn H1 được xử lý hành chính tại xã. H1 nói với anh Ph muốn giúp được thì mỗi người phải chuẩn bị khoảng 10 đến 20 triệu đồng. Khoảng 17h00 cùng ngày, H1 vào Công an xã hỏi Trần Ngọc H, Nguyễn Bảo Tr về vụ đánh bạc giải quyết như thế nào thì H và anh Tr trả lời "chúng tôi đang giải quyết". Khoảng 20h00 cùng ngày, Ph lại đến nhà H1 đưa cho H1 45.000.000đ để nhờ giúp cho ba người là T2, Đ (Th1) và H1 được xử lý hành chính tại xã. H1 cầm tiền và cất đi. Sau khi nhận số tiền 45.000.000đ từ Ph, H1 gọi điện thoại cho H, Tr qua điện thoại H1 nói với H, Tr là có 03 người đánh bạc là T2, Đ (Th1), H1 muốn nhờ cho họ được xử lý hành chính tại xã, nhưng được trả lời "Vụ việc vẫn đang giải quyết". Sáng 29/5/2020, H1 lại lên trụ sở Công an xã và có gặp H hỏi H giúp cho T2, Đ, H1 được xử lý hành chính tại xã thì H trả lời "vụ việc vẫn đang giải quyết, anh cứ về đi", nên H1 đi về và chưa đưa số tiền 45.000.000đ của T2, Đ (Th1), H1 cho ai.

Khi vụ việc đánh bạc không được xử lý ở Công an xã, đến trưa ngày 01/6/2020 Trần Ngọc H đã đưa cho Đặng Thái H1 39.500.000đ để nhờ trả lại cho Bàn Tài V, Bàn Tài H và Triệu Văn Q.

Chiều ngày 01/6/2020 các đối tượng tham gia đánh bạc được gọi đến quán cà phê Phố Núi tại xã H, tại đây H, V, Q, T2, Đ đã được H1 trả lại tiền, đến chiều thì H1 được H1 đến tận nhà trả tiền, trong đó H, V được trả 30.000.000đ là số tiền mà T đã đưa cho Th, Q được trả 9.500.000đ.

Đối với vụ việc đánh bạc, quá trình xác minh, cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hỷ đã xác định được đối tượng Dương Quý Ph tham gia đánh bạc đã có tiền án nên đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố và xét xử đối với Dương Quý Ph về tội "Đánh bạc". Tại Bản án số 39/2020/HSST ngày 21/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ đã tuyên phạt Dương Quý Ph 12 tháng tù. Ph đã chấp hành án xong. Đối với các đối tượng còn lại do chưa có tiền án, tiền sự

và số tiền dùng vào việc đánh bạc dưới 5 triệu đồng nên Công an huyện Đông Hỷ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức 1.500.000đ/người.

Đối với hành vi của cán bộ Công an xã H: Sau khi xác minh ban đầu, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hỷ đã chuyển vụ việc trên đến Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC 01) Công an tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục điều tra làm rõ. Do có dấu hiệu tội xâm phạm hoạt động tư pháp nên hồ sơ được chuyển đến Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao đã trưng cầu giám định bản ảnh 02 tài liệu là một phần biên bản ghi lời khai Bàn Tài V và tờ giấy ghi danh sách 08 đối tượng đánh bạc do Nguyễn Bảo Tr chụp bằng điện thoại.

Tại Kết luận giám định số 42/GĐKHKH-THS-P11 ngày 08/3/2021 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng đã kết luận: chữ viết trong bản ảnh các tài liệu nêu trên do Trần Ngọc H viết ra.

Quá trình điều tra:

- Bị cáo Hà Phúc Th khai: bị cáo thừa nhận được nhận 30 triệu đồng của Bàn Tài T là em của các đối tượng đánh bạc Bàn Tài H, Bàn Tài V để nhờ giúp cho V và H. Tuy nhiên bị cáo Th khai mục đích nhận tiền ban đầu là T nhờ Th để xử lý hành chính tại xã cho V, H, sau đó bị cáo lại thay đổi lời khai, bị cáo khai mục đích nhận tiền là để nộp phạt 10 triệu đồng số còn lại để cho anh em cán bộ công an xã trong đó có Th. Sau đó Th lại khai, nhận tiền để yên lòng dân, sau đó sẽ trả lại, lúc thì Th khai nhận tiền không có mục đích gì. Th thừa nhận sau khi nhận số tiền vào chiều tối ngày 28/5/2020, khi đó H có mặt và biết được việc T đưa tiền, đến sáng ngày 29/5/2020 Th đã đưa lại số tiền này cho H tại phòng của H để trả cho các đối tượng. Khi đưa tiền cho H thì H không nói gì và không có ai chứng kiến. Sau đó H đưa trả lại cho các đối tượng như thế nào thì Th không biết và chỉ được H báo cáo lại đã trả được tiền cho H và V.

- Bị cáo Bàn Tài T khai: T thừa nhận đưa cho Th là Trưởng công an xã H 30.000.000đ để nộp phạt hành chính cho H và V, để H và V được về nhà sớm. Việc đưa tiền là do bị cáo tự nguyện, không có ai đòi hỏi hay bảo phải nộp. Tuy nhiên khi nộp tiền thì T không được nhận biên lai hay giấy tờ gì. T nhận thức mục đích nộp tiền là tiền nộp phạt hành chính. Khi T đưa tiền cho Th thì H có mặt và chứng kiến.

- Bị cáo Trần Ngọc H khai: Bị cáo không biết việc Bàn Tài T đưa số tiền 30 triệu đồng cho Hà Phúc Th để nhờ xử lý vụ việc tại Công an xã cho Bàn Tài V, Bàn Tài H. Bị cáo không chỉ đạo Tr, L bỏ đối tượng Ph ra để xử lý sau. Bị cáo không nhận tiền của ai, không điện thoại cho ai, không nhận lời giúp đỡ ai. Bị cáo nhận thức hành vi bỏ Ph ra khỏi hồ sơ là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không phân công cho Tr, L ghi lời khai của các đối tượng. Bị cáo không ghi lời khai của các đối tượng bị bắt ban đầu mà chỉ lập biên bản phạm tội quả tang sau đó ghi lời khai của đối tượng C khi ra đầu thú. Bị cáo không thừa nhận được đưa số tiền 39.500.000đ cho H1.

- Bị cáo Đặng Thái H1: Ban đầu bị cáo H1 khai có nhận tiền của Ph để xin xử lý hành chính cho T2, Đ, H1 và người nhà của H, V, Q, tổng số tiền

84.500.000đ nhưng bị cáo chưa liên hệ với ai, chưa đưa số tiền này cho ai, sau đó thấy hành vi của mình là sai nên trả lại tiền, nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai và có đơn xin khai đúng sự thật. Bị cáo H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận do có mối quan hệ với Công an xã H, nên đã nhận số tiền 45.000.000đ của Dương Quý Ph để xin cho Bàn Phúc T2, Triệu Văn Đ (Th1) và Triệu Văn H1 được xử lý hành chính tại Công an xã. H1 đã nhiều lần gọi điện và trực tiếp vào Công an xã gặp cán bộ công an xã để đặt vấn đề nhờ giúp đỡ theo đề nghị của Ph. Tuy nhiên khi vụ việc không được giải quyết ở Công an xã, H1 đã trả lại số tiền đã nhận và khai nhận được H nhờ đưa số tiền 39.500.000đ để trả lại cho Bàn Tài H, Bàn Tài V và Triệu Văn Q.

- Anh Nguyễn Bảo Tr và anh Trần Đình L khai: H là người chỉ đạo thiết lập hồ sơ và lấy lời khai ban đầu, H phân công Tr, L làm việc với các đối tượng. H trực tiếp làm việc và trao đổi với Th và trực tiếp chỉ đạo chỉ ghi tám đối tượng tham gia đánh bạc, loại bỏ đối tượng Dương Quý Ph ra, mặc dù Nguyễn Bảo Tr, Trần Đình L đã can ngăn, đề xuất về việc không thể loại bỏ đối tượng Dương Quý Ph và cần chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ để xử lý theo quy định pháp luật. H là người bảo Tr chép lại lời khai của V và chỉ ghi 8 đối tượng, sau đó Tr để biên bản ghi lời khai của H đã ghi của V, cùng biên bản Tr chép lại tại bàn làm việc của H, Tr không đưa cho ai ký.

Trước sự việc sai phạm trên, Tr và L đều thống nhất sáng ngày 29/5/2020 khi Tr đi thực hiện yêu cầu tra cứu tiền án, tiền sự các đối tượng thì báo cáo lãnh đạo công an huyện.

- Anh Triệu Văn Q khai xác định ngày 28/5/2020 khi lên làm việc tại Công an xã Q có để 9.500.000đ dưới tập hồ sơ trong hội trường có 2 cán bộ mặc áo màu xanh công an nhưng không xác định được là ai, sau đó được một cán bộ công an làm việc với anh. Quá trình làm việc anh khai đúng sự thật, khai Ph là người xóc cái, sau khi ghi lời khai xong anh đã được ký biên bản. Đến tối, anh lại được người đàn ông làm việc ban đầu gọi ra ngoài hiên trụ sở công an xã, bảo anh nhận là người xóc cái sẽ không sao và được về sớm, nên anh đồng ý và anh được người cán bộ này dẫn đến gặp một cán bộ công an khác để làm việc. Sáng hôm sau, vẫn tiếp tục ghi lời khai và anh nhìn thấy người đàn ông làm việc ban đầu với anh và nói anh nhận là người xóc cái mặc quần áo công an, đeo biển tên nên biết người cán bộ đó tên là H, đến ngày 01/6/2020 được H gọi điện hẹn gặp và chiều ngày 01/6/2020 được H1 trả lại số tiền 9.500.000đ.

- Bàn Tài V khai xác định: H là người làm việc ban đầu với V, đã ghi lời khai, đã ký vào biên bản nội dung ghi có 9 đối tượng đánh bạc, nhưng sau đó H lại đưa cho V ký nhận một biên bản khác, V không biết nội dung là gì. Các đối tượng đánh bạc ở tại trụ sở Công an xã 1 đêm, đến sáng hôm sau tiếp tục làm việc và đến trưa ngày 29/5/2020 mới được về nhà. Chiều ngày 29/5/2020 Công an huyện Đồng Hỷ gọi lên làm việc.

- Ông Triệu Văn Q1 Công an viên xác định ngày 28/5/2020 có H gọi điện hỏi về tiền án, tiền sự đối tượng Ph là công dân xóm B và khi cơ quan điều tra tiến hành làm việc với ông, thì H có nhờ ông nói H chỉ hỏi về đối tượng Ph có phải là công dân của xóm hay không ngoài ra không hỏi nội dung gì khác.

- Ông Triệu Văn H1, ông Triệu Văn Đ, bà Triệu Thị X: thừa nhận Ph là người trực tiếp nhận mỗi người 15 triệu đồng để xin xử lý tại xã cho ông H1, Đ và ông T2. Còn Ph nộp cho ai thì ông, bà không biết.

- Anh Dương Quý Ph khai: Ngày 28/5/2020 anh biết anh trai của mình là Dương Quý Ph đang có tiền án, tham gia đánh bạc bị phát hiện, anh Ph có nhờ anh ra xem công an giải quyết như thế nào và nhờ mọi người không khai ra mình có tham gia đánh bạc để giải quyết vụ việc tại xã. Ph có ra xã nhưng không ai cho gặp các đối tượng bị bắt nên Ph có nói vọng bằng tiếng dao nội dung là không khai ra Ph. Sau đó H1 gặp Ph và hai bên có trao đổi nội dung Ph nhờ xin cho người nhà Ph là Triệu Văn Đ, Bàn Phúc T2 được xử lý tại xã. H1 nói số tiền mỗi người phải nộp từ 10 đến 20 triệu đồng. Khi Ph về nói lại nội dung trên cho Đ thì có H1 cũng ở đó nên Đ, H1 mỗi người chuẩn bị 15 triệu đồng, Ph nói với bà X và bà X đã đưa cho Ph 15 triệu đồng. Đến tối ngày 28/5/2020 Ph đã đem tổng số tiền 45.000.000đ của H1, Đ và bà X là vợ ông T2 đưa cho H1. Còn H1 đưa cho ai thì Ph không biết và đến chiều 01/6/2020 H1 đã nhờ Ph gọi các đối tượng đến quán cà phê Phố Núi, tại đây H1 đã trả lại tiền cho T2, Đ, H, V, Q.

Tại bản Cáo trạng số 4653/CT-VKSTC-V6 ngày 20/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố Trần Ngọc H, Hà Phúc Th về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bàn Tài T về tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015; Đặng Thái H1 về tội “*Môi giới hối lộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: - Bị cáo Hà Phúc Th thừa nhận và khai rõ hành vi phạm tội như bản cáo trạng mô tả, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng hành vi, đúng người, đúng tội, không oan. Đồng thời khẳng định khi T đưa tiền cho Th tại phòng làm việc của Th thì H có mặt, có biết việc T đưa tiền để xin xử lý hành chính cho người nhà tại xã và ngày 29/5/2020 Th đã đưa lại số tiền 30.000.000đ cho H, còn H trả như thế nào thì Th không biết.

- Bị cáo Bàn Tài T khai rõ hành vi phạm tội như bản cáo trạng mô tả, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng hành vi, đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên khi đó nhận thức của bị cáo là nộp phạt hành chính cho hai anh của bị cáo là Bàn Tài H, Bàn Tài V. Về người thứ 3 có mặt trong phòng khi T đưa tiền cho Th: Qua đối chất và nhận dạng bị cáo khẳng định khi bị cáo đến trụ sở công an xã thì chính bị cáo H là người dẫn bị cáo vào phòng bị cáo Th. Khi bị cáo để tập tiền lên bàn làm việc của bị cáo Th thì bị cáo H đi vào và nói cứ làm việc đi và nói sẽ tạo điều kiện xử phạt hành chính.

- Bị cáo Đặng Thái H1 khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng hành vi, đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo khẳng định ban đầu bị cáo không khai ra số tiền 39.500.000đ là do bị cáo H nhờ trả là do bị cáo không hiểu biết pháp luật sợ bị đồng phạm tội nhận hối lộ với bị cáo H và do được H nhờ, xuất phát từ tình cảm anh em nên bị cáo không khai sự thật. Tại phiên tòa bị cáo khẳng định bị cáo H là người trực tiếp nhờ và đưa cho bị cáo số tiền 39.500.000đ để trả lại cho Bàn Tài H, Bàn Tài V và Triệu Văn Q.

- Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc H không nhận tội, kêu oan và cho rằng việc truy tố không có căn cứ, không khách quan. Bị cáo xác định không biết việc T đưa tiền cho Th, không được nhận tiền từ Th, không được phân công Tr, L, không được làm sai lệch hồ sơ, mà việc lập hồ sơ, lấy lời khai ban đầu do Tr và L thực hiện, thời điểm chuyển hồ sơ cho Công an huyện Đồng Hỷ là 22h ngày 28/5/2020. Không được đưa số tiền 39.500.000đ cho H1, vì thời điểm trưa ngày 01/6/2020 H được gọi lên Công an huyện Đồng Hỷ làm việc nên không có mặt tại thị trấn Tr để đưa số tiền đó cho H1.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tr và anh L vẫn giữ nguyên lời khai xác định H là người chỉ đạo bỏ Ph ra khỏi lời khai ban đầu. Anh Triệu Văn Q khẳng định H là người làm việc ban đầu với Q là người bảo Q nhận là người xóc cái và là người đã điện thoại cho Q hẹn gặp vào ngày 01/6/2020.

- Người làm chứng là anh V khẳng định H là người đưa V về trụ sở và là người làm việc đầu tiên ghi lời khai với V.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng khác vẫn giữ nguyên như lời khai tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ nguyên bản Cáo trạng số 4653/CT-VKSTC-V6 ngày 20/9/2022, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc H, Hà Phúc Th phạm tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Bàn Tài T phạm tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Đặng Thái H1 phạm tội “*Môi giới hối lộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Đề nghị áp dụng:

+ điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt Hà Phúc Th từ 24 đến 30 tháng tù.

+ điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt Trần Ngọc H từ 30 đến 36 tháng tù.

+ điểm a khoản 1 Điều 364, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt Bàn Tài T từ 6 đến 9 tháng tù.

+ điểm a khoản 1 Điều 365, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 57 Bộ luật hình sự: xử phạt Đặng Thái H1 từ 10 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Bàn Tài T nộp số tiền 30.000.000đ là tiền đưa hối lộ vào ngân sách Nhà nước. Buộc anh Triệu Văn Q phải nộp số tiền 9.500.000đ là tiền đưa hối lộ vào Ngân sách Nhà nước. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Trong phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc H đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội vì:

- Hành vi của Trần Ngọc H không cấu thành tội “Nhận hối lộ” và đồng phạm tội “Nhận hối lộ” do H không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp, cũng không qua trung gian để nhận tiền, tài sản cho bản thân hoặc cho người khác vì H không nhận tiền từ bất cứ ai.

- Bị cáo H không biết, không tham gia, không có sự trao đổi, thỏa thuận gì liên quan đến số tiền 30.000.000đ bị cáo T đưa cho bị cáo Th. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Th tại biên bản đối chất và biên bản ghi lời khai, Th khai khi Th nhận tiền thì H không biết.

- Bị cáo H đã thực hiện đúng quy định về tiếp nhận, bắt người phạm tội quả tang.

- Bị cáo H và bị cáo Th không có sự bàn bạc, trao đổi, thống nhất chỉ đạo bỏ đối tượng Phúc, làm sai lệch hồ sơ tài liệu trong vụ án, vụ việc. Bị cáo H không chỉ đạo Tr, L ghi lời khai bỏ đối tượng Dương Quý Ph làm sai lệch tài liệu trong vụ án.

- Bị cáo H không biết, không liên quan đến số tiền 9.500.000đ của Triệu Văn Q để dưới tập hồ sơ tại phòng hội trường công an xã.

- Bị cáo H không nhờ H1 trả lại số tiền 39.500.000đ và không liên quan đến số tiền 45.000.000đ mà các đối tượng và người nhà đưa cho bị cáo H1.

- Vi phạm hoạt động điều tra, kiểm sát thủ tục tố tụng, không thực hiện nhận dạng, đối chất theo quy định, không xác định sự thật vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Bị cáo tranh luận cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Nhận hối lộ là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Kiểm sát viên trong phần đối đáp cho rằng:

Căn cứ vào lời khai của Th, T, H1 và số tiền 30.000.000đ bị cáo H đưa lại cho bị cáo H1, xác định bị cáo H có mặt trong phòng bị cáo Th khi bị cáo T đưa tiền, biết việc T đưa tiền. Bị cáo Th, bị cáo T đều khai nhận bị cáo H biết việc T đưa tiền. Sau đó có việc bỏ từ 9 đối tượng xuống thành 8 đối tượng tham gia đánh bạc, bỏ Ph và thay Q là người xóc cái. Bị cáo không thừa nhận nhưng tại phiên tòa Q, Tr thừa nhận H dẫn Q sang cho Tr ghi biên bản.

Về số tiền 9.500.000đ, H1 thừa nhận H đưa 39.500.000đ và H1 trả cho các đối tượng đúng số tiền mà các đối tượng đã đưa ban đầu. Q khai H gọi điện cho Q và nói tiền thì gặp H1, lịch sử cuộc gọi cũng thể hiện H gọi cho Q, H1 nhiều cuộc điện thoại, đủ căn cứ xác định H có biết số tiền 9.500.000đ.

Về mục đích nhận hối lộ là để làm sai lệch hồ sơ vụ án vì theo lời khai của Q, Tr, L đều xác định H bảo Q nhận là người xóc cái thì sự việc sẽ được về sớm, Tr khai H bảo bỏ Ph ra khỏi hồ sơ.

Do vậy, giữ nguyên quan điểm H phạm tội Nhận hối lộ với vai trò đồng phạm và là người thực hành tích cực.

Trong phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo Bàn tài T đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì:

Căn cứ khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị Quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 Nghị Quyết của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn áp dụng trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ có quy định người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

Bị cáo Bàn Tài T đã chủ động khai báo toàn bộ sự việc đưa 30.000.000đ cho bị cáo Th khi chưa bị ai tố giác và trên cơ sở lời khai của T mà cơ quan điều tra mới có căn cứ để khởi tố vụ án, khởi tố bị can và thực hiện các bước tố tụng sau này.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T không những luôn thành khẩn khai báo mà còn hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra xử lý tội phạm.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì tình thân, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, là hộ nghèo ở địa phương.

Đối với việc truy thu số tiền 30.000.000đ nộp ngân sách nhà nước, số tiền này T vay của bà T3 là chị gái và đã trả lại cho bà T3. Bản thân bị cáo là gia đình hộ nghèo, bị cáo chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì được trả lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đưa hối lộ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Bàn Tài T không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên trong phiên đối đáp cho rằng:

Luật sư cũng đã thừa nhận hành vi của bị cáo T, hành vi đưa hối lộ của bị cáo T được đưa trực tiếp cho người có chức vụ là Th và H có mặt ở đó.

Số tiền 30.000.000đ là tiền đưa hối lộ, liên quan đến hành vi phạm tội nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy thu số tiền trên đối với bị cáo T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q tranh luận đối với việc truy thu số tiền 9.500.000đ, là số tiền góp của anh, Ph, Đ, anh không có điều kiện nộp.

Trong lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo Th, H1, T nhận thấy hành vi của mình là sai và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo H kêu oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H có ý kiến về việc bị cáo không được đọc, ghi chép tài liệu liên quan đến việc buộc tội và gỡ tội,

không được đối chất với các bị cáo khác. Tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát xác định, trong hồ sơ chỉ có bản gốc, không có bản sao. Mặt khác trong quá trình từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can cho đến khi xét xử, bị cáo và gia đình đã mời 03 luật sư bào chữa cho bị cáo và được tạo điều kiện sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cho bị cáo đối chất với các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Quá trình đối chất các bên vẫn giữ nguyên ý kiến như tại cơ quan điều tra. Do vậy, quyền của bị cáo vẫn được đảm bảo, việc vi phạm này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định, bị cáo Hà Phúc Th nguyên là Trưởng Công an xã H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận tiền của Bàn Tài T với mục đích để xử lý vụ việc tại Công an xã.

Bị cáo Bàn Tài T đã có hành vi đưa hối lộ cho bị cáo Hà Phúc Th, Trần Ngọc H với mục đích xin xử lý hành chính hành vi đánh bạc cho Bàn Tài H, Bàn Tài V tại xã.

Bị cáo Đặng Thái H1 có hành vi nhận tiền của các đối tượng đánh bạc và người nhà của các đối tượng, đã liên hệ với các cán bộ công an xã xin xử lý vụ việc đánh bạc tại địa phương, đây là hành vi môi giới hối lộ. Tuy nhiên do sự việc được Công an huyện Đông Hỷ rút hồ sơ lên giải quyết theo thẩm quyền nên H1 chưa đưa được tiền cho người có thẩm quyền giải quyết, hành vi của bị cáo H1 là tội phạm đã hoàn thành nhưng chưa đạt.

Đối với bị cáo H không nhận tội, không thừa nhận việc bị cáo có mặt khi T đưa tiền cho Th, không biết, không được nhận số tiền 30.000.000đ do Th đưa lại và không thừa nhận ngày 01/6/2020 đưa số tiền 39.500.000đ cho H1 do bị cáo thời điểm đó đang làm việc tại Công an huyện. Người bào chữa cho bị cáo cũng xác định H không phạm tội, không có bất cứ tài liệu nào thể hiện H có mặt khi T đưa tiền cho Th, H đưa tiền cho H1, hành vi của H không cấu thành tội phạm và không thỏa mãn với vai trò đồng phạm.

Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời khai của H xác định ngày 28/5/2020 khi H đi bắt các đối tượng đánh bạc H khai mặc áo thường phục, áo phông màu đen, giày thể thao đế màu đỏ. Tại phiên tòa H cũng thừa nhận mình có trang phục và giày có đặc điểm như đã nêu. Trang phục này phù hợp với lời khai của Bàn Tài T xác định khi đến trụ sở gặp một thanh niên to béo, mặt tròn, mặc áo tối màu, đi giày thể thao đế màu đỏ, đây là người đã đưa T vào trong phòng Th và có mặt khi T đưa tiền cho Th. Lời khai của T và Th đều xác định H có mặt khi T đưa tiền, số tiền này được Th đưa lại cho H và H là người trực tiếp đưa cho H1 để H1 trả lại cho H, V, Q. Điều này phù hợp với lời khai của H1 xác định H là người trực tiếp đưa số tiền 39.500.000đ cho H1 nhờ trả lại cho H, V và Q. Phù hợp với lời khai của Ph là người có mặt khi H1 trả lại tiền cho Q, H, V, T2, Đ. Phù hợp với lời khai của Q, H, V, Đ (Th1), T2, H1 xác định người trả lại

tiền là bị cáo H1. Phù hợp với giấy biên nhận do bị cáo H1 giao nộp có chữ ký của V, H, T2, Q, Đ (Th1), H1 về số tiền được nhận lại. Phù hợp với chi tiết lịch sử cuộc gọi giữa H và H1, thời gian bắt đầu từ 13:04, tại số thứ tự 109 trong bản chi tiết lịch sử cuộc gọi số thuê bao 0961019620 của Đặng Thái H1 vào ngày 01/6/2020. Phù hợp với lời khai của Triệu Văn Q xác định ngày 01/6/2020 H đã rất nhiều lần gọi hẹn gặp Q, nhưng Q không gặp nên trong nội dung cuộc gọi H có nói có gì gặp H1 thể hiện tại chi tiết lịch sử liên lạc của H với Q có số điện thoại 0973015335.

Tuy lời khai của những người tham gia tố tụng được lưu trong hồ sơ có nhiều thay đổi và không thống nhất. Nhưng tại phiên tòa qua xét hỏi, đối chất và nhận dạng đã làm rõ và xác định được T đưa tiền cho Th, khi đưa tiền H có mặt và biết được T đưa tiền cho Th. Sau đó Th đưa lại tiền cho H, nên H mới có tiền để đưa lại cho H1 và H1 là người nhận tiền từ H do H nhờ H1 trả lại cho các đối tượng, các đối tượng đã nhận lại đủ số tiền đã đưa từ H1. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với thực tế khách quan về việc đưa và nhận hối lộ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, đủ căn cứ xác định khi T đưa tiền cho Th thì H có mặt trong phòng, số tiền này được Th đưa lại cho H và H là người trực tiếp đưa tiền cho H1 để trả lại cho các đối tượng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Ngọc H và người bào chữa đều không thừa nhận và xác định H không làm sai lệch hồ sơ và chỉ đạo làm sai lệch hồ sơ để xử lý vụ việc đánh bạc tại xã và hồ sơ vụ việc đã chuyển cho Công an huyện Đồng Hỷ đúng thẩm quyền.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của Bàn Tài V trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, khi bị bắt thì H là người trực tiếp đưa V về trụ sở Công an xã và là người trực tiếp ghi lời khai ban đầu của V, trong đó lời khai ban đầu V xác định có 9 đối tượng tham gia, lời khai ban đầu V đã được ký biên bản. Nhưng sau đó H là người đem biên bản ghi sẵn lời khai đến cho V ký, nhưng V không đọc nội dung. Phù hợp với lời khai của Triệu Văn Q tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Q khẳng định, tối ngày 28/5/2020 khi Q ra đầu thú, H là người gọi Q ra và nói Q nhận là người xóc cái sẽ được về sớm. Q nhận ra người đã nói với Q là H, do H là người nói chuyện trực tiếp với Q và sáng hôm sau H mặc cảnh phục, đeo biển tên nên Q biết người đó là H. Phù hợp với lời khai của Nguyễn Bảo Tr, Trần Đình L xác định H là người chỉ đạo bỏ đối tượng Ph ra khỏi lời khai ban đầu. Phù hợp với kết luận giám định tài liệu về chữ viết trong tờ ghi lời khai ban đầu của V và tờ ghi danh sách 8 đối tượng tham gia đánh bạc không có đối tượng Ph. Phù hợp với lời khai của bị cáo H xác định chữ viết và những tài liệu trên là bản nháp của bị cáo.

Đối với việc chuyển hồ sơ vụ việc cho Công an huyện Đồng Hỷ, qua báo cáo giải trình của ông Bùi Văn Chính là người trực tiếp nhận bàn giao toàn bộ hồ sơ, vật chứng có liên quan đến vụ việc đánh bạc xác định, H đã viết nhầm thời gian bàn giao là ngày 28/5/2020. Các đối tượng đánh bạc đều xác định làm việc tại trụ sở công an xã 1 đêm, đến sáng ngày 29/5/2020 vẫn tiếp tục làm việc, đến trưa ngày 29/5/2020 mới được về. Do vậy không có căn cứ xác định H đã

chuyển hồ sơ cho Công an huyện Đồng Hỷ tối ngày 28/5/2020 như lời khai của H.

Do vậy có đủ căn cứ xác định: Bị cáo H khi đó giữ chức vụ phó trưởng công an xã, sau khi biết bị cáo Th nhận số tiền 30.000.000đ do bị cáo T đưa trực tiếp và biết nội dung xin được xử lý vụ việc tại xã theo mong muốn của T. Do vậy, để vụ việc được xử lý hành chính tại xã mà không phải chuyển hồ sơ lên cơ quan điều tra cấp huyện, nên trong quá trình thiết lập hồ sơ ban đầu H đã chỉ đạo Tr, L và trực tiếp bỏ đối tượng Dương Quý Ph là người có tiền án ra không cho vào lời khai ban đầu của một số đối tượng tham gia đánh bạc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bị cáo H và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Nhận hối lộ”

[3] Bản cáo trạng số 4653/CT-VKSTC-V6 ngày 22/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao truy tố Hà Phúc Th, Trần Ngọc H về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354, bị cáo Bàn Tài T về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 và bị cáo Đặng Thái H1 về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Điều luật quy định:

Điều 354. Tội nhận hối lộ

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”

Điều 364. Tội đưa hối lộ

1. Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

...”

Điều 365. Tội môi giới hối lộ

1. Người nào môi giới hối lộ mà của hối lộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng;

...”

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu cho hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, làm giảm lòng tin của nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức phạt nghiêm, đúng với hành vi của các bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo H, Th đồng phạm giản đơn, tuy nhiên bị cáo Th là người có chức vụ cao hơn, trực tiếp trao đổi và nhận tiền của bị cáo T do đó có trách nhiệm cao hơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

Bị cáo Hà Phúc Th có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện trả lại số tiền nhận hối lộ, trong quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng Huy chương, giấy khen, bằng khen. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc H trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đã tự nguyện trả lại số tiền nhận hối lộ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bàn Tài T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Việc bị cáo cho rằng mình chỉ có mục đích nộp phạt hành chính cho hai anh chứ không phải đưa hối lộ là do nhận thức chứ không phải quanh co,

chối tội. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đặng Thái H1 có nhân thân xấu, sau khi sự việc xảy ra quanh co không nhận tội, bị truy nã. Do vậy, không chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là: người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, sau đó trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện trả lại số tiền đã nhận. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt đối với các bị cáo:

[7] Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Bàn Tài T xác định bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, mục đích là nộp tiền xử phạt hành chính, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Bị cáo đã chủ động khai báo việc đưa hối lộ trước khi bị phát giác, nên đề nghị áp dụng khoản 7 Điều 364 bộ luật hình sự và Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo và người bào chữa đều thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo T không chủ động trình báo mà sau khi cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ biết sự việc và tiến hành lấy lời khai tại Công an huyện Đồng Hỷ thì T mới khai ra sự việc. Do vậy xác định T không chủ động khai báo, mà cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, nên không đủ căn cứ và cơ sở để chấp nhận đề nghị của người bào chữa miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm mất uy tín của cơ quan nhà nước và gây mất tin trong nhân dân, gây dư luận và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và chính trị tại địa phương. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét đề nghị về phần hình phạt của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Tuy nhiên xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Trần Ngọc H thấy: Bị cáo H không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Tuy trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo, nhưng trong vụ án này bị cáo không giữ vai trò chính mà bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm, tiếp nhận ý chí của Th trong việc nhận hối lộ nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Th, bị cáo H khi phạm tội là người giữ chức vụ quản lý, do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015: Cấm bị cáo Trần Ngọc H, Hà Phúc Th đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời gian nhất định, kể từ khi thi hành án xong.

Bị cáo Bàn Tài T và Đặng Thái H1 không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo Hà Phúc Th, Trần Ngọc H, Đặng Thái H1 để đảm bảo thi hành án.

[10] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: - Số tiền 30.000.000đ là tiền bị cáo T dùng để đưa hối lộ, là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. Do vậy, cần buộc bị cáo Bàn Tài T phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 9.500.000đ là tiền của Triệu Văn Q đã đem đến để dưới tập hồ sơ trong phòng Hội trường của Công an xã. Q không xác định được đưa cho ai, không thỏa thuận nội dung gì với ai. Nhưng xác định đây là số tiền mục đích dùng để đưa hối lộ và thực tế đã để tại Hội trường trụ sở công an xã, mặc dù đây là số tiền có nguồn gốc một phần của Ph, Đ, nhưng Q là người trực tiếp cầm lên trụ sở công an xã, trực tiếp để dưới tập hồ sơ, nên cần buộc Q phải nộp số tiền này vào Ngân sách Nhà nước.

- 03 USB được thu thập trong quá trình điều tra và 01 tờ giấy biên nhận do bị cáo H1 giao nộp được lưu trong hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí: Các bị cáo Hà Phúc Th, Trần Ngọc H, Đặng Thái H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Bàn Tài T là dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn án phí cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[13] Các vấn đề khác: - Trong vụ án này đối với các cán bộ công an xã H là anh Nguyễn Bảo Tr và anh Trần Đình L: Mặc dù biết Dương Quý Ph có tham gia đánh bạc và đã có tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nhưng Nguyễn Bảo Tr, Trần Đình L vẫn thực hiện hành vi chép lại lời khai của Bàn Tài V, ghi lời khai của các đối tượng đánh bạc không đúng sự thật, không thể hiện các thông tin liên quan đến đối tượng Dương Quý Ph tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, việc anh Tr và anh L làm sai lệch hồ sơ vụ việc trên là thực hiện theo sự chỉ đạo của Trần Ngọc H. Do là cấp dưới nên cả hai đã buộc phải thực hiện theo sự chỉ đạo của H; khi sự việc chưa bị phát hiện, Nguyễn Bảo Tr và Trần Đình L đã can ngăn và chủ động báo cáo Trưởng Công an huyện Đồng Hỷ, tố giác hành vi vi phạm pháp luật trong việc xử lý vụ việc đánh bạc trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra VKSND tối cao không xem xét, không xử lý về hình sự đối với Nguyễn Bảo Tr, Trần Đình L.

- Đối với Triệu Văn Đ (Th1), Triệu Văn H1 và bà Triệu Thị X có hành vi đưa tiền cho Dương Quý Ph; Ph đã nhận tiền của những người này để đưa cho H1 nhờ

H1 giúp đỡ cho Bàn Phúc T2, Triệu Văn Đ (Th1), Triệu Văn H1 được xử lý hành chính tại xã. Tuy nhiên, H1 chưa thỏa thuận được gì và chưa đưa số tiền này đến người có trách nhiệm giải quyết vụ việc, nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Triệu Văn Đ (Th1), Triệu Văn H1, bà Triệu Thị X và Dương Quý Ph.

Đối với Triệu Văn Quý có hành vi để số tiền 9,5 triệu đồng vào tập hồ sơ trước mặt 02 cán bộ Công an xã khi lên đầu thú ngày 28/5/2020. Tuy nhiên Q không xác định được là ai, chưa có thỏa thuận gì, nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Q.

Đối với 02 cán bộ Công an xã H, mà Q khai có mặt khi Q để 9,5 triệu đồng dưới tập hồ sơ khi lên đầu thú chiều ngày 28/5/2020, nhưng không nhớ là ai. Mặc dù, số tiền này được Trần Ngọc H đưa cho Đặng Thái H1 để nhờ trả lại cho Q vào ngày 01/6/2020, nhưng trong quá trình điều tra không xác định được 02 cán bộ Công an xã H này là ai, chức vụ là gì nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt chính:

1.1 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Hà Phúc Th phạm tội “Nhận hối lộ”

Xử phạt bị cáo Hà Phúc Th 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 10/12/2021.

1.2 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Nhận hối lộ”

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 06/5/2021.

1.3 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Bàn Tài T phạm tội “Đưa hối lộ”

Xử phạt bị cáo Bàn Tài T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án.

1.4 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 365, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Đặng Thái H1 phạm tội “ Môi giới hối lộ”

Xử phạt bị cáo Đặng Thái H1 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 28/01/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015

Cấm bị cáo Trần Ngọc H, Hà Phúc Th đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi hành án xong.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Bàn Tài T và bị cáo Đặng Thái H1.

3.Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo Hà Phúc Th, Trần Ngọc H mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

Quyết định tạm giam bị cáo Đặng Thái H1 30 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Hết thời hạn tạm giam này, trại tạm giam có trách nhiệm trả tự do ngay cho bị cáo, nếu họ không bị giam, giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

4.Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Bàn Tài T nộp số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Buộc anh Triệu Văn Q nộp số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

5.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hà Phúc Th, Trần Ngọc H và Đặng Thái H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bàn Tài T.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tối Cao;
- Cơ quan CSĐT VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- TTG Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- THA phạt tù;
- Bị cáo, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châm Thị Vân Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Dũng Nguyễn Thanh Thủy

Châm Thị Vân Khánh

